

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Ban hành theo Thông tư số 95/2008 /TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6,949,762,617,359	4,688,668,073,128
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,391,215,296,944	2,650,001,084,717
1. Tiền	111	VI.01	2,605,215,296,944	1,885,001,084,717
Trong đó :				
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			1,532,407,827,421	1,708,767,592,927
- Tiền của người ủy thác đầu tư			69,530,677,794	61,023,646,752
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,786,000,000,000	765,000,000,000
Trong đó : Tiền của người ủy thác đầu tư			-	15,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	1,560,560,534,970	1,322,333,322,462
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1,531,532,041,486	1,311,570,716,264
2. Đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư		VI.04	94,328,234,703	91,506,676,040
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(65,299,741,219)	(80,744,069,842)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.09	986,780,204,121	709,548,355,978
1. Phải thu của khách hàng	131		796,745,438,667	525,202,888,075
2. Trả trước cho người bán	132		6,692,182,527	5,885,406,051
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		53,670,258,393	54,495,327,058
5. Các khoản phải thu khác	138		129,672,324,534	123,964,734,794
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,206,581,324	6,785,309,971
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,271,335,498	4,335,919,919
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,935,245,826	2,449,390,052

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2,243,712,267,937	2,388,317,348,381
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		165,834,842,797	163,678,835,756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.07	34,562,681,914	33,898,059,463
<i>Nguyên giá</i>	222		73,350,804,112	69,051,933,321
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38,788,122,198)	(35,153,873,858)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.08	130,121,442,283	128,836,899,293
<i>Nguyên giá</i>	228		140,899,298,475	138,376,050,786
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10,777,856,192)	(9,539,151,493)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		1,150,718,600	943,877,000
III. Bất động sản tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.02	2,039,057,468,359	2,181,537,032,057
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.03	457,038,772,563	454,205,459,050
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		1,498,900,293,562	1,635,996,635,108
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		1,489,571,813,562	1,635,996,635,108
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258		126,393,890,000	126,393,890,000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259		(43,275,487,766)	(35,058,952,101)
V. Tài sản dài hạn khác	260		38,819,956,781	43,101,480,568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.05	6,450,488,382	6,273,425,927
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17,012,983,017	21,592,340,859
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.06	8,389,932,650	8,389,932,650
4. Tài sản dài hạn khác	268		6,966,552,732	6,845,781,132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9,193,474,885,296	7,076,985,421,509

1.06
 CÔNG
 CỔ
 TỬNG
 SÀI
 TP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,881,261,108,218	2,258,484,090,721
I. Nợ ngắn hạn	310		3,741,644,612,698	1,895,263,622,976
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	2,000,000,000,000	-
2. Phải trả người bán	312		661,139,230	594,694,015
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.11	2,799,812,500	2,229,777,500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.12	103,904,537,702	54,050,999,468
5. Phải trả người lao động	315		16,762,509	-
6. Chi phí phải trả	316	VI.10	13,230,823,322	33,407,614,418
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		1,292,369,308,036	1,452,544,964,388
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		4,910,638,234	157,993,026,898
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		2,097,696,100	3,269,421,100
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		25,929,761,945	30,646,720,748
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	VI.14	295,724,133,120	160,526,404,441
13. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		139,616,495,520	363,220,467,745
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		13,000,000,000	13,000,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	222,224,000,000
5. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn	335	VI.15	122,483,808,824	123,807,416,049
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	336		-	-
7. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	337		4,132,686,696	4,189,051,696
8. Dự phòng phải trả dài hạn	338		-	-
9. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.17	5,312,213,777,079	4,818,501,330,788
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,312,213,777,079	4,818,501,330,788
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,511,117,420,000	1,533,334,710,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		340,921,476,378	2,095,966,265,902
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(449,664,524)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		140,116,480,248	140,116,480,248
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,320,058,400,453	1,049,533,539,162
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9,193,474,885,296	7,076,985,421,509

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		7,484,191,820,000	7,337,135,000,000
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		6,089,031,130,000	5,860,423,890,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		785,579,060,000	887,204,350,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		4,302,297,530,000	4,042,599,460,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1,001,154,540,000	930,620,080,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		587,136,710,000	592,490,970,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		5,000,000,000	15,166,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		545,157,670,000	545,295,080,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		36,979,040,000	32,029,890,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		597,647,480,000	625,912,680,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		597,647,480,000	625,912,680,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		194,129,800,000	243,940,700,000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		452,700,000	16,542,700,000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		185,350,600,000	220,938,500,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		8,326,500,000	6,459,500,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	-
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		16,246,700,000	14,366,760,000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		21,840,000	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		15,872,170,000	11,597,360,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		352,690,000	2,769,400,000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.8	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		-	-
6.8.1	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4	Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
6.9	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-
7	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		17,624,170,000	85,362,510,000
	Trong đó:			-	-
7.1	Chứng khoán giao dịch	051		17,388,020,000	85,124,510,000
7.1.1	Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		-	-
7.1.2	Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		17,388,020,000	85,124,510,000
7.1.3	Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		-	-
7.1.4	Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		-	50,000,000
7.2.1	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		-	-
7.2.2	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		-	50,000,000
7.2.3	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		-	-
7.2.4	Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3	Chứng khoán cầm cố	061		-	-
7.3.1	Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2	Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		-	-
7.3.3	Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4	Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
7.4	Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.4.1	Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3	Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4	Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
7.5	Chứng khoán chờ thanh toán	071		236,150,000	188,000,000
7.5.1	Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		236,150,000	188,000,000
7.5.3	Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4	Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
7.6	Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.6.1	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3	Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4	Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
7.7	Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-

Người Lập Biểu



Đoàn Thị Thu Giang

Kế toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010

P. Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nam

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Sài Gòn
 Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Q.1, TP.HCM
 Điện thoại: 388242897 ; Fax: 38242997
 MST: 0301955155

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2010

Đơn vị tính: VND

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 1		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
2	3	4	5	6	7	
1	Doanh thu	01	450,069,317,389	104,901,945,868	450,069,317,389	104,901,945,868
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		46,240,174,462	10,970,504,605	46,240,174,462	10,970,504,605
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		314,577,311,440	59,381,043,850	314,577,311,440	59,381,043,850
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	219,590,000	-	219,590,000
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-	-	-
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ		9,367,240,638	8,373,362,730	9,367,240,638	8,373,362,730
	Doanh thu hoạt động tư vấn		1,198,032,256	949,337,698	1,198,032,256	949,337,698
	Doanh thu lưu ký chứng khoán		573,976,845	420,394,771	573,976,845	420,394,771
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		217,137,181	137,817,833	217,137,181	137,817,833
	Doanh thu khác		77,895,444,567	24,449,894,381	77,895,444,567	24,449,894,381
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	450,069,317,389	104,901,945,868	450,069,317,389	104,901,945,868
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	11	89,231,956,966	56,249,761,542	89,231,956,966	56,249,761,542
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	96,459,749,924	83,110,573,094	96,459,749,924	83,110,573,094
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	(7,227,792,958)	(26,860,811,552)	(7,227,792,958)	(26,860,811,552)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	360,837,360,423	48,652,184,326	360,837,360,423	48,652,184,326
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,804,405,072	-	3,804,405,072	-
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	357,032,955,351	48,652,184,326	357,032,955,351	48,652,184,326
8	Thu nhập khác	31	33,250,573	72,241,356	33,250,573	72,241,356
9	Chi phí khác	32	1,100,061	39,573,638	1,100,061	39,573,638
10	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32,150,512	32,667,718	32,150,512	32,667,718
11	Lợi nhuận từ các công ty liên kết	41	2,833,313,513	(12,652,753,214)	2,833,313,513	(12,652,753,214)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	50	359,898,419,376	36,032,098,830	359,898,419,376	36,032,098,830
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	84,621,925,945	5,757,009,416	84,621,925,945	5,757,009,416
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	4,579,357,841	-	4,579,357,841	-
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (70=60-61-62)	60	270,697,135,591	30,275,089,414	270,697,135,591	30,275,089,414

Người lập biểu

Đoàn Thị Thu Giang

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010
 Phó Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Quý I năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	359,898,419,376	36,032,098,830
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(270,798,258,054)	(27,016,922,996)
- Khấu hao tài sản cố định	02	5,069,725,938	4,177,668,108
- Các khoản lập dự phòng	03	(7,227,792,958)	(26,860,811,552)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(272,195,767,034)	(17,018,855,553)
- Chi phí lãi vay	06	3,555,576,000	12,685,076,001
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	89,100,161,322	9,015,175,834
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(280,299,345,259)	136,946,033,318
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	(139,565,806,669)	(555,914,409,064)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(95,871,245,793)	47,384,294,438
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1,112,478,034)	1,011,109,783
- Tiền lãi vay đã trả	13	(29,905,147,733)	(58,210,390,026)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36,493,516,306)	(5,839,903,657)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	480,060,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4,837,730,403)	(1,433,604,313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(498,985,108,875)	(426,561,633,687)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6,529,732,871)	(3,188,220,550)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	13,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(141,264,756,381)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26	20,725,698,630	186,294,086,986
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	(228,291,272,793)	(80,344,795,248)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28	593,939,158,033	97,921,222,170
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29	12,439,530,103	40,640,035,348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	392,296,381,102	100,057,572,325

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	963,585,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(30,974,348,890)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	2,000,000,000,000	-
4. Trả lại vốn ủy thác cho người ủy thác đầu tư	34	-	(75,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	-	-
6. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36	-	-
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	(153,060,645,000)	(342,900,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1,847,902,940,000	(106,317,248,890)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1,741,214,212,227	(432,821,310,252)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,650,001,084,717	1,610,984,422,667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4,391,215,296,944	1,178,163,112,415

Người Lập Biểu



Đoàn Thị Thu Giang

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010

P. Tổng Giám Đốc




Nguyễn Hồng Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 01 năm 2010 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư .
4. **Tổng số nhân viên** : 448
5. **Công ty con** :
 - Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.
 - Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư .
 - Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)
6. **Đầu Tư vào Quỹ Tầm Nhìn SSI** :

Trong năm 2007, công ty cũng đã đầu tư vào quỹ đầu tư Tầm nhìn SSI với tổng số vốn đầu tư là 485 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 28,53% tổng giá trị vốn góp của quỹ. Quỹ Tầm nhìn SSI là quỹ thành viên đóng góp với tổng giá trị vốn góp ban đầu là 1.700 tỷ đồng Việt Nam, có thời hạn hoạt động 5 năm và có khả năng gia hạn thêm 2 năm nữa, và được chấp thuận thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 3 tháng 8 năm 2007.
7. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Dù thị trường chung quý 1/2010 có giảm nhẹ so với quý 4/2009 về khối lượng giao dịch và thị giá chứng khoán, nhưng do doanh thu hoạt động từ đầu tư chứng khoán trong kỳ tăng nên kết quả kinh doanh của quý 1/2010 tăng so với quý 4/2009. Kết quả kinh doanh quý 1/2010 của Công ty lãi **359.898.419.376** đồng trước thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 11 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2010.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người uỷ thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao

7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 03 năm 2010.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2010 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 03 năm 2010.

9. Hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư

Các tài sản đầu tư của các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các tài sản đầu tư của người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác quản lý đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận dựa trên phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của quỹ đầu tư.

Các báo cáo tài chính của quỹ đầu tư được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

11. Các hợp đồng mua và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

15. Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

19. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Quản lý danh mục	Đơn vị tính: VNĐ	
					Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác	Tổng cộng
Quý 1 năm 2010						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	46.814.151.307	317.410.624.953	77.895.444.567	9.367.240.638	1.448.420.010	452.935.881.475
2. Các chi phí trực tiếp	7.343.508.404	8.685.040.888	17.367.021.005	-	-	33.395.570.297
3. Các chi phí phân bổ	38.560.014.639	6.666.918.419	6.306.544.450	3.063.178.733	5.045.235.560	59.641.891.802
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	910.628.264	302.058.665.646	54.221.879.112	6.304.061.905	(3.596.815.550)	359.898.419.376
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010						
1. Tài sản bộ phận	2.291.880.010.257	3.306.407.205.769	2.951.655.740.413	210.192.897.784	848.802.330	8.760.984.656.553
2. Tài sản phân bổ	123.136.288.702	21.289.919.075	20.139.112.638	9.781.854.710	16.111.290.111	190.458.465.235
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	242.031.763.508
Tổng tài sản	2.415.016.298.959	3.327.697.124.844	2.971.794.853.051	219.974.752.494	16.960.092.441	9.193.474.885.296
1. Nợ phải trả bộ phận	1.318.602.533.899	23.495.289.664	2.263.077.796.376	122.483.808.824	2.799.812.500	3.730.459.241.263
2. Nợ phân bổ	86.623.934.303	14.977.035.370	14.167.465.891	6.881.340.575	11.333.972.713	133.983.748.852
3. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	16.818.118.103
Tổng công nợ	1.405.226.468.202	38.472.325.034	2.277.245.262.267	129.365.149.399	14.133.785.213	3.881.261.108.218

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	383.121.456	304.139.392
Tiền gửi ngân hàng	2.604.832.175.488	1.884.696.945.325
<i>Trong đó :</i>		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.532.407.827.421	1.708.767.592.927
- Tiền của người ủy thác đầu tư	69.530.677.794	61.023.646.752
Các khoản tương đương tiền	1.786.000.000.000	765.000.000.000
<i>Trong đó : Tiền của người ủy thác đầu tư</i>	-	15.000.000.000
Cộng	4.391.215.296.944	2.650.001.084.717

2. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Giá trị theo số kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường (VNĐ)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
		Tăng	Giảm	
I. Chứng khoán thương mại	1.145.532.041.486		(65.299.741.219)	1.080.232.300.267
II. Đầu tư ngắn hạn khác	386.000.000.000			
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	386.000.000.000			
III. Chứng khoán đầu tư	1.489.571.813.562		(43.275.487.766)	1.446.296.325.796
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.489.571.813.562		(43.275.487.766)	1.446.296.325.796
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-		-	-
IV. Đầu tư góp vốn	457.038.772.563			
-Vốn góp liên doanh liên kết	457.038.772.563			
V. Đầu tư tài chính khác	126.393.890.000			
- Đầu tư dài hạn khác	126.393.890.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% sở hữu của Công ty (%)
Quý tầm nhìn SSI	485.000.000.000	457.038.772.563	454.205.459.050	28,53%
Cộng	485.000.000.000	457.038.772.563	454.205.459.050	

4. Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư (đơn vị tính: VNĐ):

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu	44.328.234.703	41.506.676.040
Trái phiếu, kỳ phiếu các loại	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	94.328.234.703	91.506.676.040

Các khoản chứng khoán ngắn hạn của người ủy thác đầu tư tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2010 được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI

5. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	6.450.488.382	6.273.425.927
Tổng Cộng	6.450.488.382	6.273.425.927

6. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)

Tiền nộp ban đầu	8.087.814.535
Tiền lãi phân bổ hàng năm	302.118.115
Tổng Cộng	8.389.932.650

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.609.391.520	51.107.050.301	13.817.726.903	1.517.764.597	69.051.933.321
Tăng trong kỳ	-	2.288.954.190	2.206.689.500	-	4.495.643.690
Mua trong kỳ	-	2.288.954.190	2.206.689.500	-	4.495.643.690
Giảm trong năm		(196.772.899)			(196.772.899)
Bán thanh lý	-	(196.772.899)	-	-	(196.772.899)
Phân loại lại					-
Ngày 31 tháng 03 năm 2010	2.609.391.520	53.199.231.592	16.024.416.403	1.517.764.597	73.350.804.112
Giá trị hao mòn:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	405.842.321	27.699.580.593	6.204.038.703	844.412.241	35.153.873.858
Tăng trong kỳ	112.317.288	3.040.857.557	580.096.980	97.749.414	3.831.021.239
Khấu hao	112.317.288	3.040.857.557	580.096.980	97.749.414	3.831.021.239
Giảm trong kỳ		(196.772.899)			(196.772.899)
Bán thanh lý	-	(196.772.899)	-	-	(196.772.899)
Phân loại lại	-				-
Ngày 31 tháng 03 năm 2010	518.159.609	30.543.665.251	6.784.135.683	942.161.655	38.788.122.198
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.203.549.199	23.407.469.708	7.613.688.200	673.352.356	33.898.059.463
Ngày 31 tháng 03 năm 2010	2.091.231.911	22.655.566.341	9.240.280.720	575.602.942	34.562.681.914

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Khoản mục</i>	<i>Phần mềm</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	22.204.897.698	114.481.726.400	1.689.426.688	138.376.050.786
Tăng trong kỳ	2.523.247.689		-	2.523.247.689
<i>Mua mới</i>	2.523.247.689	-	-	2.523.247.689
<i>Phân loại lại</i>	-	-	-	-
Giảm trong kỳ			-	-
<i>Bán thanh lý</i>			-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2010	24.728.145.387	114.481.726.400	1.689.426.688	140.899.298.475
Hao mòn lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	8.196.391.924	-	1.342.759.569	9.539.151.493
Tăng trong kỳ	1.194.189.409		44.515.290	1.238.704.699
<i>Khấu hao</i>	1.194.189.409	-	44.515.290	1.238.704.699
<i>Phân loại lại</i>	-	-	-	-
Giảm trong kỳ				-
Ngày 31 tháng 03 năm 2010	9.390.581.333	-	1.387.274.859	10.777.856.192
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	14.008.505.774	114.481.726.400	346.667.119	128.836.899.293
Ngày 31 tháng 03 năm 2010	15.337.564.054	114.481.726.400	302.151.829	130.121.442.283

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Phải thu khách hàng	803.437.621.194	531.088.294.126
- Phải thu KH về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	616.400.855.433	322.681.414.013
- Ứng trước cho người bán	6.692.182.527	5.885.406.051
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	134.011.136.360	136.470.715.606
- Phải thu phí tư vấn	848.802.330	1.454.685.890
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	44.401.998.987	63.113.447.672
- Phải thu khác	1.082.645.557	1.482.624.894
2. Phải thu hoạt động giao dịch CK	53.670.258.393	54.495.327.058
- Phải thu sở giao dịch	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	670.258.393	1.495.327.058
- Phải thu trung tâm lưu ký	-	-
- Phải thu thành viên khác	53.000.000.000	53.000.000.000
3. Thuế GTGT khấu trừ	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-
5. Phải thu khác	129.672.324.534	123.964.734.794
- Phải thu theo cam kết mua và bán lại chứng khoán	64.892.544.000	64.892.544.000
- Phải thu tổ chức phát hành	49.830.772.609	42.941.825.174
- Phải thu vốn ủy thác đầu tư	-	-
- Phải thu khác	14.949.007.925	16.130.365.620

10. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi trái phiếu chuyển đổi	1.470.168.025	28.769.221.158
Chi phí phải trả khác	11.760.655.297	4.638.393.260
Tổng Cộng	13.230.823.322	33.407.614.418

11. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	2.799.812.500	2.229.777.500
Cộng	2.799.812.500	2.229.777.500

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	632.250.369	288.711.888
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	97.081.823.948	48.781.140.010
Thuế Thu nhập cá nhân	4.720.684.584	3.291.599.454
Các loại thuế khác	1.469.778.801	1.689.548.116
Cộng	103.904.537.702	54.050.999.468

13. Vay và nợ ngắn hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi	2.000.000.000.000	-
Cộng	2.000.000.000.000	-

Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi phát hành ngày 26.3.2010, kỳ hạn 12 tháng hoặc có thể sớm hơn tùy theo quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, lãi suất 4%/năm, giá chuyển đổi trái phiếu là 72.250 đồng (giá này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định của điều khoản chống pha loãng).

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	433.797.556	48.194.852
Doanh thu ghi nhận trước	10.676.993.333	87.410.000
Hợp đồng mua bán chứng khoán	-	27.742.500.000
Phải trả HĐ Hợp tác kinh doanh	259.749.790.797	80.000.000.000
Các khoản khác	24.863.551.434	52.648.299.589
Tổng Cộng	295.724.133.120	160.526.404.441

15. Vốn nhận ủy thác đầu tư dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng ủy thác quản lý danh mục đầu tư được quản lý tại công ty con của Công ty là Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	122.483.808.824	123.807.416.049
Cộng	122.483.808.824	123.807.416.049

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Bảng ước tính thuế thu nhập hiện hành quý 1/2010 (đơn vị tính: VNĐ)**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	359.898.419.376
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	3.093.284.233
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết (đã tính thuế năm 2009)	15.484.117.853
- Phần lãi lỗ hoạt động liên kết chưa thực nhận	2.833.313.513
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	338.487.703.777
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp Quý 1-2010</i>	84.621.925.945

17. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.533.334.710.000	2.095.966.265.902	(449.664.524)	140.116.480.248	1.049.533.539.162	4.818.501.330.788
Chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi	222.224.000.000					222.224.000.000
Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỉ lệ 1:1 từ nguồn thặng dư vốn, ngày đkcc 29.03.10	1.755.558.710.000	(1.755.558.710.000)		-	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN năm 2009 theo Quyết toán thuế					(172.274.299)	(172.274.299)
Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2010					270.697.135.591	270.697.135.591
Mua Cổ phiếu Quỹ			-		-	-
Bán cổ phiếu quỹ		513.920.476	449.664.524			963.585.000
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010	3.511.117.420.000	340.921.476.378	-	140.116.480.248	1.320.058.400.453	5.312.213.777.079

Ngày 29.3.2010 là ngày đăng ký cuối cùng để thưởng cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1, hiện tại Công ty đang hoàn tất thủ tục để được lưu ký và giao dịch bổ sung số cổ phiếu thưởng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Cổ tức	3.093.284.233	19.156.412.500
Trái tức	16.974.082.194	28.674.787.720
Kỳ phiếu	238.888.889	3.642.069.444
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	291.987.630.545	4.804.422.170
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	2.283.425.579	3.103.352.016
Tổng cộng	314.577.311.440	59.381.043.850

19. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Chi phí môi giới chứng khoán	7.343.508.404	1.497.082.214
Chi phí tự doanh chứng khoán	15.912.833.846	32.914.526.139
Chi phí dự phòng (*)	(7.227.792.958)	(26.860.811.552)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	17.367.021.005	16.641.226.453
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	55.836.386.669	32.057.738.288
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>25.442.650.758</i>	<i>13.601.971.948</i>
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	<i>876.035.912</i>	<i>583.379.466</i>
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	<i>6.338.625.219</i>	<i>5.297.402.661</i>
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	<i>6.511.631.555</i>	<i>5.108.597.297</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>16.525.554.627</i>	<i>7.141.367.807</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>141.888.598</i>	<i>325.019.109</i>
Tổng Cộng	89.231.956.966	56.249.761.542

(*) Chi phí dự phòng là số âm là do hoàn nhập dự phòng (theo quy định của thông tư 95/2008/TT-BTC thì hoàn nhập dự phòng và dự phòng điều chỉnh hạch toán vào khoản mục này)

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)

	Quý I năm 2010	Lũy kế năm 2010
Chi phí nhân viên	2.291.831.623	2.291.831.623
Chi phí khấu hao và phân bổ	269.968.449	269.968.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.242.605.000	1.242.605.000
Tổng Cộng	3.804.405.072	3.804.405.072

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Nghiệp vụ với các bên có liên quan****Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong Quý 1/2010 bao gồm:**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền (VNĐ)</i>
Quỹ Tầm nhìn SSI	Công ty liên kết	Doanh thu hoạt động môi giới	2.292.418.956
Công ty TNHH 1 thành viên Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng là thành viên đầu tư vốn vào Công ty TNHH	Phát hành trái phiếu chuyển đổi	200.000.000.000
		Trả cổ tức bằng tiền	14.252.518.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	33.653.200.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	4.708.643.567
		Trả cổ tức bằng tiền	27.601.890.000
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	15.698.200.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	2.179.997.540
		Trả cổ tức bằng tiền	16.165.890.000
		Phát hành trái phiếu chuyển đổi	240.000.000.000
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Xuyên Thái Bình là trưởng ban kiểm soát của SSI	Chuyển đổi trái phiếu thành vốn	2.041.400.000
		Trả lãi trái phiếu chuyển đổi	285.625.883
		Phát hành trái phiếu chuyển đổi	80.000.000.000

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm cuối ngày 31/3/2010 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu (VNĐ)</i>	<i>Khoản phải trả (VNĐ)</i>
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Góp vốn đầu tư	14.999.990.000	
		Thực hiện hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	19.892.544.000	
		Lãi HĐ mua và cam kết bán lại CK phải thu	2.381.137.514	
Công ty TNHH 1 thành viên Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng là thành viên đầu tư vốn vào Công ty TNHH	Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi		200.000.000.000
Ngân hàng ANZ	Cổ đông chiến lược	Tiền gửi của nhà đầu tư tại NH ANZ	14.445.525.301	
		Tiền gửi ngân hàng tại ANZ	95.261.276	
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đông chiến lược	Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi		240.000.000.000
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Xuyên Thái Bình là trưởng ban kiểm soát của SSI	Nợ ngắn hạn trái phiếu chuyển đổi		80.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Số liệu so sánh:

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2010 được trình bày theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và các hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, do đó một số số liệu đầu năm đã được trình bày lại cho phù hợp với hình thức trình bày báo cáo tài chính.

TPHCM, ngày 15 tháng 4 năm 2010

Người Lập Biểu

Đoàn Thị Thu Giang

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam